TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2020
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Dương Thị T, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Bằng Cục, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Hiện trú tại: Xóm Ngọc Lý, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị đơn:*** *Anh Trần Đình V, sinh năm 1994 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Bằng Cục, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 03/6/2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Đình V kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên ngày 28/02/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng

về chung sống với nhau ngay, ở chung với gia đình nhà chồng, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm, đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn, do anh V thường xuyên đánh chị, không rõ nguyên nhân, chị bỏ về nhà đẻ ở tại xóm Ngọc Lý, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ở từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, không thể đoàn tụ được, nguyện vọng của anh V muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý, chị đề nghị được ly hôn anh V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Việt Hoàng, sinh ngày 19/11/2017 hiện cháu Hoàng đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà hôm nay, chị Dương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh V. Tài sản chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Trần Đình V là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh V trình bày:

Anh và chị Dương Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên ngày 28/02/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, ở chung với gia đình anh, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm, đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn chính vì do anh có tính hay ghen và thỉnh thoảng có đánh chị T nên chị T đã bỏ về nhà đẻ ở tại xóm Ngọc Lý, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên từ cuối tháng 6/2020 sinh sống cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, nguyện vọng của anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, chị T đề nghị ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện thời gian để vợ chồng anh hòa giải về đoàn tụ.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Việt Hoàng, sinh ngày 19/11/2017 hiện cháu Hoàng ở với chị T, nếu vợ chồng không đoàn tụ được mà phải ly hôn thì anh đề nghị ai nuôi con chung cũng được, nguyện vọng của anh cũng đề nghị được nuôi con chung, nếu được nuôi con chung thì anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 500.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Vợ chồng anh không có, anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Đình V vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh V không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Trần Đình V.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Việt Hoàng, sinh ngày 19/11/2017. Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị T và anh V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Trần Đình V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Dương Thị T Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh V xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh V có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do anh V thỉnh thoảng đánh chị T, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay mâu thuẫn. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị T, chị xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Anh V cũng trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh thỉnh thoảng đánh chị T và anh xác định tình cảm vợ chồng còn nên không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh V, thông báo hòa giải anh V cũng không đến để Tòa

án hòa giải và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh V xảy ra mâu thuẫn do anh V có tính ghen tuông và đánh chị T, tháng 6 năm 2020 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Phú Bình, Thái Nguyên sinh sống từ đó cho đến nay không về ở với anh V nữa. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T và anh V đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Việt Hoàng, sinh ngày 19/11/2017. Hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị T. Ly hôn chị T nhận tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy cả anh V và chị T đều không cung cấp được cho Tòa án về xác nhận thu nhập nhưng hiện nay chị làm nghề tự do có thu nhập, đủ điều kiện thời gian để nuôi con, anh V cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng không cung cấp được căn cứ gì về điều kiện nuôi con như thu nhập, thời gian chăm sóc con... Mặt khác, cháu Hoàng còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và từ nhỏ đến giờ ở với chị T, cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ để cháu ổn định và phát triển. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị T và giao cháu Hoàng cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Hoàng. Sau khi ly hôn, anh Trần Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh V thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T, anh V đều xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Trần Đình V.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Việt Hoàng, sinh ngày 19/11/2017. Anh Trần Đình V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi ly hôn, anh Trần Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh V thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006433 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân